

PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

QUYỂN 15

Giải thích về mười Diệu của Bốn Môn này, trong đó tự phân làm hai: 1. Bốn Tích; 2. Mười Diệu. Sở dĩ trước tiên trình bày về Bốn Tích, bởi vì tên gọi Bốn Tích nối thông với nhau cho nên cần phải phân rõ thông suốt. Giản lược cái chung thuận theo cái riêng khiến cho Bốn Tích này rõ ràng có thể thấy. Vì vậy trong đó trước tiên luận chung về Bốn Tích, tiếp là luận riêng về Bốn Tích.

Trong phần luận chung, có hai: 1. Nêu ra, cũng gọi là sanh khởi; 2. Giải thích: Trong phần một nói đến Sự Lý ấy, chỉ là Chân-Tục. Lý giáo: Chân-Tục là Lý, giải thích tên gọi của Chân-Tục này là Giáo Hành đều có thể hiểu. Tiếp trong phần giải thích lại phân làm hai: 1. Giải thích; 2. Từ “nhược ước...” trở xuống là kết luận thâm nhiếp văn phần một tự phân làm sáu, trong mỗi một văn đều giản lược cái chung để đưa ra cái riêng. Hơn nữa, trong mỗi một văn đều có ba: a. Giải thích về tướng của Bốn Tích; b. Trình bày về Bốn Tích, tướng hiển bày lý dung thông; c. Dẫn văn chứng minh trong phần (a) là Lý Sự, nói rằng bắt đầu từ Vô Trú Bốn Tích thiết lập tất cả các pháp, ấy là vô minh làm gốc rễ cho tất cả các pháp, vô minh tức là pháp tánh, vô minh lại dùng pháp tánh làm gốc rễ. Nên biết rằng các pháp cũng lấy pháp tánh làm căn bản, pháp tánh tức là vô minh, pháp tánh không có trú xứ; vô minh tức là pháp tánh, vô minh không có trú xứ. Vô minh và pháp tánh tuy đều là vô trú mà lại làm gốc rễ cho tất cả các pháp, cho nên nói là bắt đầu từ Vô Trú vốn thiết lập tất cả các pháp. Nguồn gốc của vô trú đã là chung, vì vậy Chân đế là chỉ cho Lý tất cả các pháp là Sự, tức là chỉ cho tam thiên làm thành vạn hữu. Nói là từ Bốn thù Tích, đây là Bốn Tích của lý tánh, căn cứ vào đây mới có Bốn Tích hoạt dụng bên ngoài. Vì vậy bắt đầu từ Lý sự cuối cùng gọi là đến nay (Dĩ kim), có sáu lớp Bốn Tích, thì năm lớp trước đã thông với quá khứ-thông với hiện tại-thông với Bốn-thông với Tích, sợ rằng lẫn lộn với Tích cho nên đối với mỗi một lớp biểu hiện rõ

ràng giải thích rằng: Thật Tướng của thời gian căn bản cho đến lúc đầu tiên thật sự đạt Thật Tướng. Lại dùng một lớp thứ sáu bây giờ, phân định năm lớp trước có Bản có Tích, nghiệm xét biết là năm lớp trước đều thuộc về Bản. Vả lại trong lớp thứ sáu cuối cùng tướng hiển bày lý dung thông đều nói Bản Tích tuy khác nhau mà Bất tư nghị như nhau, ấy là mượn lời Triệu Công ca ngợi lý của Bản Tích. Triệu Công tuy nói là có Bản Tích nhưng Bản và Tích ấy đều thuộc về Tích. Nay nói là Bất tư nghị, ấy là dựa theo Sự thì Bản xưa-Tích nay, dựa theo Lý thì không có gì là nay và xưa. Cho nên biết thể của Lý đều là Bất tư nghị. Nếu dựa theo năm lớp Bản Tích này theo nghĩa mà giải thích, ấy là dựa theo Sự thì có Sự Lý trong Bản-Sự Lý trong Tích, dựa theo Lý thì không thể có sai khác giữa Sự Lý Bản Tích. Vì vậy đều nói là Bất tư nghị như nhau, cho đến bốn lớp còn lại cũng như vậy. Thứ sáu là Dĩ kim, Dĩ chính là Tích, tức là chỉ cho Tích Môn và các Tích Giáo, Kim chính là Bản, tức là chỉ cho Bản Môn. Bản Môn về trước đều gọi là Dĩ, Dững xuất về sau mới gọi là Kim. Vì vậy nói đã thuyết sự lý cho đến Quyền Thật gọi đó là Tích, nay thuyết về Sự Lý cho đến Quyền Thật đều gọi là Bản. Cho nên biết nếu không có Sự Lý cho đến Quyền Thật trong Tích, thì làm sao có thể biểu hiện về Bản từ lâu xa? Vả lại, nói là “Dĩ kim” tuy khác với năm lớp trước nhưng cũng là luôn luôn nhằm vào Thọ Lượng gọi là Bản của hiện tại. Nếu hướng về Bản ban đầu thì thuận theo lại giản lược Dĩ kim không giống nhau. Các kinh trước Pháp Hoa đến bây giờ vẫn thuộc về Tích, kinh này đã trình bày chính là thật sự trình bày về Bản của lâu xa, tức là đã thuyết đến bây giờ là Tích, nay thuyết đến bây giờ là Bản, mới là Thật Thuyết. Vì lẽ đó văn dẫn chứng trong sáu Môn, ba phần trước dẫn về Tích. Ba phần sau dẫn về Bản, tại sao? Nhưng ba phần trước lại thông với Bản và Tích, đều có Sự Lý cho đến Giáo Hành, Thể dụng đều có ba, trong chung lại có riêng, đã nói Bản Dụng - Bản Quyền chẳng phải là Tích thì vẫn có thể hiển bày rõ ràng, hướng là dùng Bản Môn làm hiện tại rõ ràng như vậy thì không thể nào dẫn ra Tích. Bởi vì nghĩa này cho nên ba văn dẫn ra Tích - ba văn dẫn ra Bản. Vả lại ba văn trước, đã thuộc về nhân, bởi vì nhân của Bản hạn hẹp, chỉ dùng Tích trở lại Bản, cho nên chỉ đưa ra Tích Môn. Tiếp trong phần kết luận thâm nhiếp, nói là dựa theo Dĩ kim luận về Bản Tích ấy cho đến Bất tư nghị, là trở lại trình bày về năm lớp Bản Tích từ trước đến nay, để thâm nhiếp mười diệu có Bản có Tích. Tách biệt dựa theo Bản Môn trong kinh này đã trình bày về mười thô mười Diệu mới gọi là Bản-mới gọi là Bản Diệu. Lại đem sáu lớp hướng về mười Diệu, có đủ có thiếu

có nhiều có ít, cho nên trở lại trình bày điều đó, trong đó phân làm ba: 1. Chính thức trình bày thâm nhiếp lẫn nhau; 2. Từ “Tối sơ...” trở xuống là giản lược nêu ra; 3. Từ “Nhược vô...” trở xuống là tổng quát trình bày về tướng hiển lộ lý dung thông. Văn phần đầu là dựa theo thuận tiện. Trong sáu cặp từ đầu đến sau tìm hiểu ngược lại, nếu như biết Dĩ kim thì biết năm lớp còn lại, cho nên giải thích theo thứ tự ngược trở lại. Sở dĩ sáu Môn trình bày về thâm nhiếp không giống nhau, ấy là bởi vì ba nhân hai quả trong sáu Môn, Dĩ kim lại là hai Môn trong kinh này, vì thế cho nên thuận theo nghĩa đã thâm nhiếp không như nhau. Tiếp trong phần giản lược nêu ra, nói về Bốn của lúc đầu, chỉ là Bốn mà chẳng phải là Tích... ấy, ban đầu thật sự thành tựu đã chưa thù Tịch, cho nên chỉ thuộc về Bốn, trung gian hưởng về với nhau cùng làm thành Bốn Tích. Vả lại trung gian đã thành tựu, lúc thù Tịch gọi là cũng Tích, lúc hiển Bốn gọi là cũng Bốn. Cuối cùng đã thuyết, tức là hôm nay đã thuyết về Tích Môn, chưa hiển bày thời gian của Bốn cho nên chỉ thuộc về Tích. Nếu như không có đã thuyết, tức là nêu ra Tích Môn hôm nay, Bốn nay thuyết tức là nêu ra Bốn Môn hôm nay.

Tiếp là trong phần chính thức trình bày về Bốn Tích có hai: 1. Nêu ra; 2. Giải thích. Trong giải thích, trong văn tự phân làm mười lớp, giải thích về mười diệu này. Thứ nhất trong phần sơ lược giải thích tự phân làm mười lớp, ở văn phần đầu có phần mở rộng, chín văn còn lại chỉ sơ lược. Văn phần đầu có ba: 1. Nêu ra Bốn; 2. Từ “Nhược thập lục...” trở xuống là nêu ra Tích để so sánh phân định; 3. Từ “Nhược lưu...” trở xuống là lướt qua Tích hiển bày Bốn. Trong văn phần Tích nói “Sa bà là mực” đến “lẽ nào có thể hết được”, đây là văn dẫn Tích Môn trong phẩm Hóa Thành không kết hợp dẫn ra Di Lặc..., nói là “Di Lặc không biết” thì văn thuộc về Bốn Môn, hoặc là mượn văn ở trong Bốn để so sánh ví dụ điều này, giả sử trí lực Bồ Xứ nhiều như bụi trần ba ngàn thế giới trong Tích cũng không thể nào biết được. Nếu như chắc chắn sử dụng văn của Tích, thì nên trừ ra hai mươi chữ từ Di Lặc... trở đi, nghĩa lý mới thuận, Sư nói là sợ rằng có ý khác, nhưng tuy là dẫn lời văn trong phần Di Lặc mà hưởng nói đến hơi khác nhau, văn phần Bốn Môn ấy chỉ nói “chúng con trú trong địa vị A Duy Việt Trí, ở trong sự việc này cũng không hề thông hiểu”. Nay trong văn này dùng Trí ra ngoài Giả mà số lượng thế giới cũng không biết, hưởng là đối với số lượng bụi trần. Nếu chọn lấy cái biết về số bụi trần thì chỉ là thuận theo kết hợp sự dụng Trí ra ngoài Giả mà thôi, vì vậy thuận theo sử dụng văn trước để giải thích vậy. Nói là lướt qua Tích hiển bày Bốn, ấy là chỉ dựa vào

bao nhiêu trần số trước đây đã thành Phật, thì trung gian cho đến hôm nay tùy ý vận dụng để lướt qua, Bản từ lâu xa tùy ý vận dụng có thể thấy. Xuống chín Diệu phía dưới ví dụ đều như vậy. Hai Diệu của Bản Quả - Bản Quốc dưới đây, chỉ có hai văn thiết lập Diệu và lướt qua Tích hiển bày Bản, bảy Diệu sau thẳng thẳng như vậy chỉ ra Bản, xuống dưới lại giải thích rộng ra, cho nên ở đây không bàn đến, văn hoàn toàn có thể thấy. Tiếp theo trong phần Sanh Khởi, có ba: 1. Nêu ra ý hướng đến; 2. Chính thức sanh khởi; 3. Từ “Ngãi nãi...” trở xuống là ý kết luận. Tiếp trong phần Đồng Vị, có hai: 1. Thiết lập; 2. Từ “tác thử...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích lại có hai: Một, Trình bày về ý khai hợp; Hai, Từ “tích trung...” trở xuống là chính thức trình bày về khai hợp. Trong đó có bốn: a. Trình bày trong Tích là nhân khai quả hợp; b. Trình bày về Cảm Ứng như nhau không khai không hợp; c. Từ “bổn khai...” trở xuống là trình bày trong Bản nhân hợp mà Quả khai; d. Ý về lợi ích như nhau cũng giống như Cảm Ứng bình đẳng. Văn phần (a) lia nhân trong Tích phân làm bốn, hợp trong quả thì thọ mạng và Niết-bàn làm thành một loại ba pháp, hợp Bản Môn này thành Niết-bàn thọ mạng. Tiếp là cảm ứng như nhau bốn tích đều có hai xứ có tên gọi giống nhau, cùng là Dụng của trong quả vị. Tiếp là trình bày nhân hợp trong Bản như trước, chỉ trình bày về quả khai. Trong Tích không có tên gọi của quả, tức là trở thành lia ba pháp để làm quả đều có ba trong Bản có tên gọi của quả cho nên chỉ nói là lia hai pháp. Trong đó phân làm ba: 1. Giải thích về ý khai, Pháp Hoa này Đức Phật chưa nhập diệt cho nên không luận đến Niết-bàn, Đức Phật xưa kia ở tại Pháp Hoa tỏ ý nhập diệt đều là Cơ thanh tịnh, 2. Từ “hựu văn sự...” trở xuống là dựa theo sự việc đã xác định chính thức trình bày khai mở đưa ra; 3. Từ “tích trung...” trở xuống là tiếp tục giải thích nguyên cơ không sử dụng trong tích. Một Diệu cuối cùng có hai nơi có tên gọi giống nhau, mà nay và xưa khác nhau về thời gian, mười khai hợp của Bản Tích đã sai khác, nếu như không hiểu rõ mười môn trong tích, thì làm sao có thể hiểu được sáu ngài của những lý này và chỉ quy mười diệu của những nhân quả này? Tiếp là văn dẫn chứng, có ba: 1. Ý dẫn văn; 2. Chính thức dẫn ra; 3. Kết luận. Văn phần một có ba: Một. Sơ lược nêu ra xứ sở dẫn văn; Hai. Từ “Nhiên tiên Phật...” trở xuống là trình bày về ý sơ lược trong văn phần Bản; Ba. Từ “Kim tự...” trở xuống là trình bày về văn sơ lược mà nghĩa đầy đủ. Thứ năm là giải thích rộng về mười văn, văn tự phân làm mười. Trong đó lại có hai: 1. Tổng quát trình bày về ý Bản Diệu; 2. Chính thức giải thích. Văn phần một lại có ba: 1. Sơ lược trình bày về ý hướng đến;

2. Từ “đản bốn cực...” trở xuống là trình bày về Bốn cách xa khó biết;
 3. Từ “Tuy nhiên...” trở xuống trình bày về không thể không biết. Tiếp là chính thức bày về Nhân Diệu, lại có hai: 1. Giải thích; 2. Liệu giảng. Phần một lại có ba: Một. Thiết lập bốn; Hai. Từ “Tích nhân đa chủng...” trở xuống là dẫn ra tích phân rõ khác nhau; Ba. Từ “Dĩ tam nghĩa...” trở xuống là lướt qua tích hiển bày bốn; chính diệu phía sau phân văn đều như vậy. Văn phần một lại có ba: a. Dẫn ra văn; b. Giải thích; c. Từ “nhất cú...” trở xuống là kết luận bốn nghĩa về nhân của Bốn, chín phần sau đều như vậy. Nói là “Tá thảo nhiên đấng...” là trong Đại Luận quyển thứ bốn giải thích về nhân duyên đời trước của Đức Phật và Anan rằng “đời trước Thích Ca làm người thợ gốm tên gọi là Đại Quang Minh. Thời ấy có Đức Phật danh hiệu Thích Ca Văn, đệ tử của Đức Phật ấy có tên gọi như đệ tử của Phật bây giờ, cùng với Đức Phật đi đến ở lại nhà người thợ gốm. Người thợ gốm đem đệm cỏ, thấp đèn, pha nước mật cúng dường Đức Phật và Tỳ-kheo, phát thệ nguyện rằng: sẽ làm Phật ở đời ngũ trước sau này. Phật và đệ tử giống như tên gọi của Phật bấy giờ không khác.” “Xưa làm Ma Nạp” thì đầy đủ như Thụy Ứng Nhiên Đấng Thọ Ký Đắc Vô Sanh nhãn, cho nên biết là Thông Phật. Xưa làm Bảo Hải Phạm Chí, đầy đủ như kinh Bi Hoa thứ hai nói: “có vị Bồ-tát tên gọi Tịch ý, thưa hỏi Đức Phật: Thế giới của chư Phật còn lại đó đều thanh tịnh, nay Đức Thế Tôn vì sao ở nơi ngũ trước này mà thuyết về tam thừa?” Đức Phật dạy: “Quốc độ thanh tịnh và không thanh tịnh đều là bốn nguyện vốn có, Ta ở đời quá khứ hằng sa a tăng kỳ kiếp, thế giới Đức Phật này tên gọi San đề lam, kiếp gọi là Thiện Trì, Luân Vương tên gọi Vô Tránh Niệm, trong thế giới của Luân Vương, có một đại thần tên gọi Bảo Hải, là dòng dõi Phạm Chí khéo biết xem tướng, lúc ấy sanh được một người có ba mươi hai tướng tốt - tám mươi vẻ đẹp, chư Thiên thường đến cúng dường, nhân đó đặt tên gọi là Bảo Tạng. Về sau xuất gia thành đạo cũng gọi là Bảo Tạng, chuyển pháp luân hóa độ chúng sanh rồi, lần lượt đi vào làng mạc thuyết pháp cho Thánh Vương xong, Vương thỉnh mời an cư, bầy báu của vương cũng tự mình cúng dường. Vương có ngàn người con cũng đều cúng dường ba tháng”. Rộng ra như trong kinh nói: “Cho đến hết hai trăm năm mươi năm, sau đó Bảo Hải đi đến nơi Đức Phật được thọ ký làm Phật. Chúng sanh trong vi trần thế giới mười phương phàm là người được ánh sáng của Bảo Hải hóa độ, đều thành đạo cùng một lúc. Bảo Hải tiếp tục khuyến khích Luân Vương, phát tâm, lần lượt khuyến khích thái tử phát tâm, tiếp tục khiến cho chư Thiên Bát Bộ phát tâm, cho đến

ba ngàn thế giới đều phát tâm Bồ-đề. Sau đó ở trong đường súc sanh địa ngục, trước mỗi một chúng sanh hiện bày một thân Phật khiến cho được xa lìa đau khổ. Trong bảy năm, Nhân- Thiên Bát Bộ, ai không có tâm ham muốn, đều phát tâm cúng dường.” Lại là thầy của Di Đà, ấy là trong phẩm Thọ Ký kia Đức Phật ấy trước tiên đi vào Tam muội, hiện bày Tịnh Độ khắp mười phương tập hợp các vị Bồ-tát, trước hết thọ ký cho Bảo Hải. Bảo Hải tiếp đến thọ ký cho Di Đà, tiếp tục thọ ký cho Thái tử Luân Vương rằng: Ông nhìn Nhân - Thiên và ba ác đạo, sinh tâm Đại Bi, đoạn trừ mọi khổ não, khiến cho được an lạc. Nay sẽ gọi tên ông là Quán Thế Âm... Thái tử Luân Vương cho đến tất cả chư Thiên - người thế gian, không có ai không được Phạm Chí này khuyến khích họ phát tâm, cho nên đều là thầy của họ. Tiếp trong phần lướt qua Tích, có hai: 1. Lướt qua; 2. Từ “Nhược đắc...” trở xuống là dung thông. Văn phần một có ba: Một. Nêu ra phương pháp lướt qua, nên tìm hiểu ba nghĩa; Hai. Từ “Kim thế...” trở xuống là giải thích về ý của phương pháp lướt qua Tích; Ba. Từ “Nhược chấp...” trở xuống là chỉ trích sai lầm chấp vào Tích. Văn phần một, từ giáo môn suốt một thế hệ không có gì không đều nói rằng Già Da mới thành tựu, Đại thừa dung thông không có gì hơn được Hoa Nghiêm. Đầu kinh cũng nói ở nơi Bồ-đề Tràng mới thành tựu Chánh Giác, cho nên biết Đại - Tiểu thuyết thành tựu đều gần, do đó biết là Tích. Nghĩa thứ hai, nếu là nhân của Bốn thì không cần phải nhiều loại, chỉ thuận theo tu một nhân viên mãn cảm một quả viên mãn. Đã có bốn nghĩa nông sâu không như nhau, nên biết rằng chính là Bốn thật sự thành tựu sau đó tùy thuận căn cơ của chúng sanh, cơ duyên không giống nhau thuận theo Bốn thù Tịch thị hiện bốn tướng của nhân, vì vậy biết không giống nhau chắc chắn thuộc về Tích. Nghĩa thứ ba, chỉ khai mở Thọ Lượng gợi ý đưa ra Bốn lâu xa lúc đầu, trung gian cho đến hôm nay tùy ý vận dụng tự phế bỏ. Phát ấy là Bạt là Trừ ban đầu vì Tích che phủ, nay lướt qua làm mất đi sự che lấp nêu ra Bốn chân thật. Nhân Diệu đã như vậy, cho đến lợi ích, tương tự như vậy có thể biết. Văn phần hai có thể biết. Trong phần ba là chỉ trích sai lầm, có ba: a. Trình bày về chấp Tích mê Bốn; b. Dựa theo Hạ biết về Thượng khiến cho nhận biết Tích hiểu về Bốn, “Dựa theo Hạ biết về Thượng”, câu này thích hợp phải ở sau “Luân thí vị Diệu”, hoặc là có thể viết nhầm, tức trở thành hai văn đều có Pháp - Thí dụ; c. Từ “Minh hô...” trở xuống là than thở quở trách. Tiếp trong phần liệu giản, câu hỏi có thể biết. Trong trả lời có hai: 1. Tổng quát trả lời chẳng phải chất vấn về Sơ Trú; 2. Từ “Hựu trung gian...” trở xuống là nêu ra quả so sánh với nhân.

Tiếp trong phần Bốn Quả Diệu cũng có ba, như trước văn phần đầu có hai: 1. Dẫn kinh thiết lập Bốn; 2. Giải thích. Tiếp trong phần nêu ra bốn Giáo không giống nhau trong Tích rằng: Hoặc là nói đạo thọ - thảo tòa - ba mươi bốn tâm... ấy, trong Câu Xá Bà Sa - Trí Luận đã trình bày về ba kỳ - bốn bậc thành đạo Bồ-tát, xuất xứ từ văn này không như nhau, đạo thọ - thiên y có đủ như trong kinh Đại Phẩm, hoặc nói là tịch diệt đạo tràng có đủ như trong kinh Hoa Nghiêm, hoặc nói là đạo tràng hư không làm chỗ ngồi..., cũng như Phổ Hiền Quán trong kinh Hoa Nghiêm. Đại Luận ba mươi tám nói: “kinh Thanh văn thuyết là bày đệm cỏ, trong kinh Đại thừa thuyết là hoặc thấy trái nệm cỏ dưới cội cây, hoặc thấy bày gấm vóc cỡi trời, y phục sáu cỡi trời không giống nhau, tùy theo phước đã cảm thọ; hoặc thấy bảo tòa Vô lượng do tuần.” Từ “Nhược thị...” trở xuống là giải thích ba nghĩa trên và chỉ trích sai lầm đều như văn. Tiếp trong phần Quốc Độ Diệu phân văn như trước. Trong phần Tích không giống nhau, lại có hai: 1. Dựa theo kinh khác; 2. Dựa theo Tích Môn của kinh này. Trong văn phần một, trong bốn quốc độ không giống nhau nói hoặc là nói Tây Phương có quốc độ tên gọi Vô Thắng ấy, kinh Niết-bàn nói: “Về phía Tây hơn ba mươi sáu hàng sa, có quốc độ tên gọi Vô Thắng”. Lại nói: “Mười phương thế giới đều có Tịnh Độ của Thích Ca”. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm lại nói: “Thích Tôn có Tịnh Độ tên gọi Nhất Đăng Minh, là quốc độ của Thích Ca”. Đây là cũng giải thích trong Tích. Nói là Thường Tịch Quang độ, lại có hai: 1. Nêu ra; 2. Giải thích. Như trong Bốn Môn có các vị Bồ-tát ở Hạ phương hiện ra từ mặt đất an trú giữa hư không, từ mặt đất hiện ra rồi, cũng đến Diệu tháp bảy báu giữa hư không, hư không cả hai bên đều biểu thị cho Tích Quang. Lý Tịch Quang thông suốt như gương như đồ dùng ấy là ví như chư Thiên dâng cúng thức ăn trong đồ dùng quý báu, như Chỉ Quán quyển thứ ba ghi lại. Ba lần thay đổi thổ điền hoặc là thấy Đồng Cư Tịnh Độ cho đến Phương Tiện Hữu Dư ấy, Tịnh Độ ba lần thay đổi nếu dựa vào tướng của quốc độ thì giống như Đồng Cư Tịnh Độ, dựa vào di chuyển Thiên-Nhân đặt vào quốc độ khác toàn là những cây báu-những tòa sư tử quý báu, chỉ có chư Phật và các vị Bồ-tát, thì giống như Phương Tiện Hữu Dư. Vì vậy có thể nói rằng dựa theo văn lại cũng như cội Thật Báo không có gì chướng ngại. Tiếp theo trong phần trình bày về Cảm Ứng thì văn cứ trên đại thể là giống nhau, văn sau lại thêm vào thô Diệu rộng hẹp để liệu giảng mà thôi. Đầu tiên trong bốn Giáo có Tích khác nhau nói rằng Tam tạng Phật một ngày ba thời soi chiếu căn cơ, ấy là cùng với Thông Giáo phía sau đều nói soi chiếu chín Pháp giới, đương

giáo đều có tam thừa vốn là vậy. Trong Tam tạng giáo lại như Đại Luận đều nói Đức Phật vào thành khát thực, bị cha mẹ người nữ đã ngăn chặn không thể ra được, bởi vì người bệnh, bởi vì muốn khiến cho mọi người trông thấy tướng tốt, bởi vì người vốn không có tâm bố thí đợi cầu xin mới bố thí. Như vậy có mười nhân duyên, đều là tướng của Tam tạng giáo quán xét căn cơ làm lợi ích cho chúng sanh. Tiếp trong phần phân biệt nói: vả lại, Bốn Cấm - Tích Cấm - Tho-Diệu là bốn câu trái ngược với nhau ấy, văn phần bốn cách xa chỉ cho ban đầu, lúc thật sự đạt được đã phủ khắp cơ duyên cũng có bốn Giáo, thì ba Giáo là Tho mà Viên giáo là Diệu. Trong Tích che phủ cơ duyên cũng không ra ngoài bốn Giáo tho diệu cũng như vậy. Vì thế nay không thuận theo tho Diệu để phân định Bốn Tích, chỉ thuận theo ban đầu gọi đó là Bốn, nên biết rằng Bốn thì tho Diệu đều là Diệu, tho Diệu trong Tích đều là Tho, rộng hẹp có thể biết. Bốn câu tho Diệu trong Ứng như văn, nhưng che phủ nhiều thế giới là rộng, che phủ ít thế giới là hẹp. Thù Ứng lúc đầu và trung gian cũng đều có rộng hẹp, nay cũng không thuận theo rộng hẹp để phân định, cho nên biết thành tựu đã lâu và rộng hẹp đều là Diệu, trung gian và hôm nay rộng hẹp đều là Tho. Tiếp trong phần Thần Thông thì văn cú trên đại thể giống nhau, nhưng bốn câu liệu giảng như trên ấy là Bốn chung cả tho Diệu-Tích chung cả tho Diệu để là bốn câu, Bốn-Tích rộng hẹp thì bốn câu cũng như vậy, cũng không dùng tho diệu rộng hẹp mà phân định Bốn-Tích chỉ chọn lấy ban đầu để làm Bốn. Thứ sáu trong phần Thuyết Pháp Diệu trình bày trong Tích khác nhau, có hai: 1. Sơ lược ví dụ về Niết-bàn có ba Vị sinh ra từ trâu? 2. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích có hai: 1. Giải thích; 2. Hỏi đáp liệu giản. Phần một trong giải thích có hai: a. Nêu ví dụ; b. Từ “Phật diệt như thị...” trở xuống là chính thức kết hợp. Văn phần (a) lại có hai: Trước là tổng-biệt nêu ví dụ, tiếp từ “Nhược ngư...” trở xuống là sơ lược dùng ba Giáo kết luận. Phần trước lại có hai: đầu là tổng quát, tiếp từ “Nhược phạm thảo...” trở xuống là tách biệt. Văn phần đầu bởi “Vì con bê không ở cao nguyên...” đến “nơi ẩm thấp v.v...” đây là dẫn trong Đại Kinh quyển thứ hai phá bỏ cách trị bệnh cũ nói rằng: “Nếu như là bò sữa không ăn hèm rượu (Rượu là Chân-hèm rượu là Tục, lúa mạch là trái qua phân biệt) thì con bê ấy điều hòa tốt lành (chẳng hưởng theo Không-chẳng chấp vào Hữu), nơi chặn thả không ở cao nguyên (Niết-bàn) cũng không ở nơi ẩm thấp (sanh tử), uống làn nước trong (chẳng phải ham muốn ô trược), không khiến cho chạy nhảy rong ruổi (không thấy phân tán), không cùng với bò cái sống chung một

bây (Bất cộng pháp của Phật), ăn uống điều hòa dễ chịu (không đói không-chẳng no Tục), vĩ sữa như vậy gọi là cam lộ (Bí mật tạng)”. Cỏ “Nhẫn” ấy là nghĩa hàm chứa nhiều loại, cho nên phân biệt đưa ra bốn Vị như văn. Tiếp trong phần kết hợp, có hai: 1. Tổng quát; 2. Từ “Thiện thú...” trở xuống là tách biệt. Trong tách biệt có hai: 1. Nhân Thiên Bốn Giáo; 2. Năm Vị, lại có hai: đầu là dựa theo Bộ thuận theo Giáo, tiếp là sơ lược đối chiếu với bốn Giáo-bốn Phật đích thực kết hợp năm Vị cùng sản sinh ra từ trâu. Đầu là nói về hai Cơ tiếp súc sinh ra Vị thứ bốn-thứ năm ấy, đây là hai giáo Biệt-Viên trong Hoa Nghiêm, đây chính là dựa theo Bộ thuận theo Giáo lập thành tên gọi, ví dụ còn lại có thể biết. Văn tiếp theo lại dựa vào Đương Phần đã nói không giống nhau. Từ “Phục thứ” trở xuống là lại dùng bốn câu phân biệt về Dĩ kim, cho nên biết đầu là trình bày về Bốn Tích quá khứ-hiện tại, hãy còn là nổi thông một đường. Tích quá khứ - Bốn hiện tại phân biệt như trước. Bốn quá khứ-Tích hiện tại: Bốn quá khứ ấy là ban đầu, Tích hiện tại ấy là Tích Môn, là Tích hiện tại Đức Phật đã thuyết. Cùng là Tích ấy thì Bốn thành tựu về sau - Tích Môn trở về trước là Tích quá khứ. Nay Bốn Môn này cũng là Tích Phật đã thuyết vậy. Hiện tại - quá khứ đều là Bốn: Ban đầu là Bốn quá khứ-Bốn Môn là Bốn hiện tại. Quyền thật cho đến sự lý bốn câu.... ấy, đều dùng Bốn Tích quá khứ và hiện tại hướng về với nhau làm bốn câu, như quá khứ Thật-hiện tại Quyền-hiện tại Thật - quá khứ Quyền đều là Quyền-đều là Thật, cho đến Sự Lý cũng lại như vậy. Nhưng dùng ban đầu làm quá khứ- làm Bốn, ví dụ trước có thể biết tiếp trong phần quyển thuộc Diệu chỉ đưa ra tướng của Bốn, bắt đầu từ Văn Thù - Quán Âm cho đến người mê hoặc không hiểu biết là sơ lược đưa ra tướng khác nhau trong Tích, thuận theo trong các Bộ đưa ra tướng của chúng Thánh, cũng có thể làm thành bốn tướng khác nhau. Nay phần đầu như văn, tiếp theo là giải thích. Trong giải thích lại có hai: 1. Chính thức giải thích; 2. Giải thích nghi ngờ. Phần đầu nói Tịch Quang là pháp tánh hư không ấy, tức là lấy Hạ phương và thấp báu ở hư không phương này biểu thị cho Tịch Quang. Các vị Bồ-tát này trú giữa hư không Hạ phương, từ lúc hiện ra về sau cũng trú giữa hư không, ở Quốc độ này được nghe về khai Quyền hiển Thật đạt được Vô sanh nhẫn, cũng là trú giữa hư không của cõi Tịch Quang. Tuy đều là hư không mà biểu thị cho Tịch Quang, thì người có thể an trú không thể không có sự tiếp cận từ lâu, Bồ-tát hiện ra đạt được Nhẫn đã lâu, vì vậy trong Tích người mới tiếp cận đi vào không biết người đi vào đã lâu. Tiếp là văn trong phần Tích nói rằng Văn Thù-Quán Âm hoặc là làm Thầy-hoặc là làm đệ tử,

ấy là xưa kia Văn Thù làm Bồ-tát Diệu quan giáo hóa tám vị Vương Tử thời Phật Đấng Minh, tám vị Vương Tử này lần lượt thọ ký cho nhau, vị Vương Tử cuối cùng ấy tên gọi là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng đã là thầy của Thích Ca, Diệu quan mới thành vị tổ sư chín đời của Thích Ca. Trong kinh Quán Âm nói Thích Ca thời quá khứ đã học tập đạo pháp từ Chánh Pháp Minh Như Lai, Chánh Pháp Minh Như Lai chính là Bản thân của Quán Âm, cho nên biết Văn Thù-Quán Âm đều đã từng làm thầy. Điều Đạt tức là Tiên nhân A Tư Đà, đầy đủ như trong kinh này. Những người như vậy mà lại làm đệ tử hỏi về Bốn Tích so với nhau, thì số bụi trần của ngàn thế giới còn ít mà tăng đạo thì nhiều, ấy là Bồ-tát hiện ra từ mặt đất trong tam thiên thế giới là quyển thuộc ở thời gian của Bốn, chỉ nói mặt đất tam thiên thế giới đều chấn động tách ra có Vô lượng Bồ-tát đồng thời xuất hiện. Nếu so với quyển thuộc trong Tích ở thời gian hiện tại, như tăng đạo giảm bớt sanh trong phẩm Phân Biệt Công Đức, thì sáu trăm tám mươi vạn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh đạt được Vô Sanh Pháp Nhẫn, lại gấp ngàn lần số này được Văn trì Đà-la-ni, số nhiều như bụi trần của một thế giới đạt được Biện Tài, số như bụi trần của đại thế giới đạt được Bất Thoái Trung Thiên và Tiểu Thiên cho đến một Tứ Thiên Hạ cho đến bụi trần của tám thế giới bắt đầu phát tâm, so với Dũng Xuất thì Dũng Xuất rất ít. Bốn câu phân biệt cũng theo thể lệ như văn trước, chỉ dùng sự tiếp cận lâu dài mà phân định Bốn Tích, hoàn toàn không dùng Pháp thân nông sâu hóa duyên rộng hẹp để phân định. Tiếp là phần Niết-bàn Diệu trình bày trong Tích không giống nhau, trước là trình bày về ý của Tích tuy là không giống nhau, mà Bốn không có dài ngắn, tiếp từ “Hoặc thủ...” trở xuống là chính thức trình bày về khác nhau. Trong ý văn phần đầu nói bắt đầu từ các đệ tử cuối cùng đến các loài rắn rít bò cạp là, trong Đại Kinh đưa ra: “Chúng là tám mươi ức trăm ngàn Tỳ-kheo thành tựu Đại thừa đệ nhất Không Hành, sáu mươi ức Tỳ-kheo ni đều là Đại A-la-hán, một hằng sa Bồ-tát, hai hằng sa Ưu-bà-tắc, ba hằng sa Ưu bà di, bốn hằng sa Ly Xa, năm hằng sa Đại Thần, sáu hằng sa Quốc Vương, bảy hằng sa Phu Nhân, tám hằng sa Thiên Nữ, chín hằng sa Long Vương, mười hằng sa Quý Thần, hai mươi hằng sa Kim Sí Điều, cho đến hết thầy Ong Chúa trong cõi Diêm-phù-đề. Lại ở Đông phương cách nơi này Vô lượng vô biên hằng hà sa số vi trần thế giới, quốc độ ấy có Đức Phật danh hiệu Hư Không Đấng Như Lai, bảo với Đại đệ tử thứ nhất rằng: Nên đến thế giới Sa-bà ở phương Tây, thế giới ấy có Đức Phật danh hiệu Thích Ca Văn không lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn ông có thể mang

cơm thơm ở thế giới này để dâng cúng Đức Phật ấy, Đức Phật ấy dùng xong đi vào Niết-bàn và có thể lễ lạy cung kính cầu xin quyết định những nghi ngờ! Lúc ấy Vô Biên Thân Bồ-tát liền vâng theo lời dạy của Đức Phật từ chỗ ngồi mà đứng lên cúi đầu lạy và nhiễu vòng quanh Vô lượng vòng, chúng Đại Bồ-tát đều cùng nhau lên đường đi đến thế giới Sa bà. “Lại còn A Xà Thế Vương và phu nhân của Vương, cho đến nhìn chất độc có thể hại chết người ấy, là loại bọ hung rằn rít bò cạp và mười sáu ác luật nghi. Cát Khương cũng gọi là Khương Lan, tức là con bọ hung. Trong Nhĩ Nhã nói là loài côn trùng cánh cứng màu đen ăn đất và phân. Phúc ấy là Độc vậy, tức là loài rằn lao hiểm độc. Nhĩ Nhã nói con châu chấu chưa có cánh ấy, lại nói là thân rộng ba tấc lớn như cánh tay. Sử Ký nói nọc độc châm vào tay thì gãy. Sai ấy là con bò cạp, một loại trùng độc vậy. Tả Truyện nói: “Loài không Sai ấy mười năm hấy còn có độc, cuối đuôi cuốn lại giống như tóc người phụ nữ”. Chữ Phúc là chú âm của chữ Phù và chữ Mục, không giống như âm chữ Phúc là Phước. Có người nói: Vô Biên Thân Bồ-tát thân lượng vô biên, tại sao lại nói từ nơi kia đến nơi này? Thuận theo hỏi vặn lại rằng: Đã nói là đến nơi này sao lại nói là Vô Biên? Nói là Vô Biên, ấy là thân thật sự có giới hạn mà tên gọi không có giới hạn, như thọ mạng của Phật A Di Đà thật sự là hữu lượng mà tên gọi là Vô lượng. Nếu như thọ mạng là Vô lượng thì làm thế nào có thể có Quán Âm Bồ Xứ? Nằm nghiêng đầu lưng, như trong Chỉ Quán thứ tám ghi lại, và năm đầu hướng về phía Bắc... ấy cũng là tướng của Tam tạng Phật, đầy đủ như Chỉ Quán thứ nhất ghi lại. Tiếp trong phần chính thức trình bày về không như nhau, có hai: 1. Dựa theo hai kinh giải thích về tướng; 2. Kết luận hiểu là ý hai kinh giống nhau. Văn phần một lại có hai: Một. Trình bày về không giống nhau để nói rõ kinh này; Hai. Từ “Kinh viết...” trở xuống là dẫn ra giống với Đại Kinh trình bày. Văn phần một lại có hai: a. Tạng, Thông giáo; b. Biệt, Viên giáo. Văn phần (a) có hai: Đầu là sơ lược nêu ra hai khác nhau; tiếp từ “Sanh thân...” trở xuống là giải thích lại về hai sai khác. Trong phần giải thích về Tam tạng giáo nói Thực Đàn Nhĩ ấy, Trưởng A Hàm thứ ba nói: “Đức Phật đến vườn Xà Đầu thuộc thành Ba Bà, có Trưởng giả tên gọi Chu Na, thỉnh Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng, đặc biệt dùng các loại hiếm có trên đời để nấu cháo Chiên Đàn Nhĩ dâng cúng Đức Phật. A-nan thưa rằng: Trưởng giả thiết cúng không có phước, Đức Phật lần cuối cùng ở tại nhà ấy thọ thực nhập Bát Niết-bàn. Đức Phật dạy: Đừng nói lời như vậy, Trưởng giả này nhận được phước lợi to lớn cùng với thọ mạng-sắc lực-thiện danh rất lớn, sanh

nhiều của cải quý báu-chết được đầu thai lên cõi trời”. Tiếp trong phần Biệt Viên, có hai: 1. Biệt; 2. Viên. Trong Biệt có hai: Một, Dẫn ra Địa vị và con người; Hai, Chính thức giải thích. Trong phần giải thích nói Sắc Giải thoát cho đến Thức Giải thoát đến vô dư ấy, đã nói Diệt Sắc cho đến Diệt Thức tức là nghĩa của giới ngoại tích sắc, do đó bởi vì nhân hết gọi là Hữu Dư-quả mất đi gọi là Vô dư. Theo lý mà nói thì nhân quả biến dịch không cần phải phân hai, nên biết là thành tựu nghĩa của Biệt giáo. Tiếp theo kinh nói “Trong chỗ ngồi hôm nay...” ấy, trích từ kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, cùng với văn Đại Kinh giống nhau, lại có hai: 1. Nêu ra 2. Từ “Thử minh...” trở xuống là kết luận. Tiếp từ “Đại Kinh...” trở xuống trong pháp hội giống nhau, có bốn: 1. Sơ lược nêu ra điểm giống nhau; 2. Từ “Đại Kinh...” trở xuống là chính thức kết hợp; 3. Từ “Nhị Kinh...” trở xuống là kết luận cùng thuận theo căn cơ lợi-độn; 4. Từ “Hựu sở sở...” trở xuống là kết hợp trình bày về Văn thường. Phần một như văn. Trong văn phần hai nói Ca-diếp lần đầu hỏi về Trường Thọ, ấy là trong Đại kinh thứ ba đầu tiên thiết lập ba mươi sáu câu hỏi, câu thứ nhất hỏi sau nói là được thân bất hoại trường thọ như Kim Cang. Văn sau trong phần trả lời như phẩm Trường Thọ dựa vào Kim làm ví dụ, chỉ dựa vào người trẻ tuổi mà không dựa vào người già, đi mãi mà vẫn tìm không ra nơi nào có vàng, đã nói “Đi mãi mà vẫn” cho nên biết Pháp thân thường trú bất diệt. Xuống dưới phẩm Kim Cang Thân, trình bày rộng về bảo vệ pháp giữ giới bất sát đạt được thân Kim Cang. Từ “Hựu Kinh...” trở xuống là văn khắp nơi trình bày về thường trú ở vị lai. Phần ba có thể thấy. Trong phần bốn kết hợp với Thường nói hai vạn Phật Đăng Minh v.v... ở Pháp Hoa trình bày về Thường... tức là, hai vạn Phật Đăng Minh đầy đủ như trong phẩm Tựa giải thích, kinh Pháp Hoa trình bày rộng về Nhất Thừa, Nhất Thừa chính là thường trú vậy. Tiếp trong phần trình bày về Thọ Mạng Diệu, trước là thiết lập, tiếp là dẫn kinh. Trong phần dẫn kinh, trước là dẫn ra văn này, tiếp là giải thích, tức là dẫn ra trung gian để so sánh với Bốn. Trong phần trình bày về Tích khác nhau, có hai: 1. Tạng Thông; 2. Biệt Viên. Văn phần một có hai: Một. Sơ lược giải thích; Hai. Từ “thử lưỡng...” trở xuống là phân định không có Bốn của Pháp thân. Trong phần Biệt Viên cũng có hai: 1. Sơ lược giải thích; 2. Từ “như thử đẳng...” trở xuống là so sánh kết luận. Trong phần giải thích về lợi ích Diệu, cũng đầu là sơ lược thiết lập về lợi ích, câu trước thiết lập-câu sau giải thích, tiếp từ “Nhược Tích...” trở xuống là trình bày về Tích khác nhau, nay ở đây sơ lược nêu ra, đầy đủ thuận theo giống như trước, bảy lợi ích-mười lợi ích ấy vậy.

Nói là cho đến tăng thêm đạo... ấy, dựa theo kinh tuy là Bốn Môn, đã là đời nay thì trong Tích dựa vào Bốn gọi là Bốn Môn, cho nên biết ngày nay chính là lợi ích trong Tích, thậm chí Bốn thành tựu về sau đều gọi là trung gian. Trung gian hiển bày Bốn đạt được lợi ích ấy hãy còn trở thành lợi ích của Tích, huống là ngày nay sao? Từ “Dĩ Tích...” trở xuống là tiếp tục đưa ra tướng lợi ích của Bốn, văn về Bốn đã hạn hẹp thì cũng dựa theo Tích mà biết được Bốn, vì vậy từ “Bốn Bốn...” trở xuống trình bày về tướng hiển lộ dung hòa với nhau, các Tích tuy nhiều nhưng sử dụng Bốn làm Bốn cho nên nói là Bốn Bốn. Bốn Sự trước đây, nếu như không nhờ vào Tích thì làm sao có thể biết được Bốn, giống như bỏ ảnh dựa vào hư không tức là nghĩa này vậy. Phần sáu là liệu giảng ba đời, trước là sơ lược thiết lập, tiếp là hỏi đáp liệu giảng. Văn phần trước có ba: 1. Dẫn kinh nêu ra tướng? 2. Từ “Nhược hoá...” trở xuống là giải thích; 3. Từ “Tam thế...” trở xuống là kết luận. Trong phần kết luận, có hai: 1. Pháp; 2. Ví dụ. Tiếp trong phần hỏi đáp, đầu là như văn, câu hỏi thứ hai ấy là nếu như nói chư Phật đều có phân thân, thì Đa Bảo cũng thuộc về số của chư Phật, sẽ có phân thân, vì sao nói là toàn thân không phân tán, tức là trở lại chất vấn, nếu như toàn thân, vì sao lại nói là khắp nơi nghe kinh? Trong phần trả lời dẫn Đại Luận giải thích trong tám niệm, thứ nhất trong niệm Phật nói rằng đã nói là Hoá thân tức là phân thân. Từ “Sư nói” trở xuống là dẫn Nam Nhạc giải thích, dựa vào văn kinh. Văn nói: “lúc sắp diệt độ bảo với bốn chúng đệ tử rằng: Muốn cúng dường toàn thân của Ta, nên dựng lên một toà tháp to lớn, lúc xuất hiện chứng minh kinh thì toàn thân nằm ở trong tháp, dùng lực thệ nguyện nghe kinh khắp nơi”. Theo Nam Nhạc giải thích thì sao khi Đa Bảo diệt độ toàn thân không phân tán, không phân tán ấy không giống như thân nát vụn còn lại xá lợi mà thôi, không ngại gì chư Phật cũng có phân thân. Từ “Như nhập...” trở đi, trình bày bao gồm Pháp Hoa là Viên là Thường. Từ “Khẩu xưng...” trở xuống là trình bày đầy đủ bốn Đức để chứng minh cho Thường. Chân Tịnh Đại Pháp ấy, Chân là đức Thường-Tịnh là đức Tịnh. Đã có Thường-Tịnh lẽ nào không có Ngã-Lạc, cho nên nói hai đức có thể biết toàn thân Đa Bảo hãy còn khắp nơi mười phương, cho nên biết chư Phật cũng có phân thân. Hàng độn căn đọc văn kinh hãy còn không hiểu, ấy là không hiểu kinh này có đầy đủ bốn Đức, phân định sai lầm là Pháp Hoa không trình bày về thường trú, vì vậy mà nói xưa nay đều là độn căn. Tiếp theo trong phần hỏi đáp hỏi về chư Phật hiển bày Bốn, câu hỏi như trong văn. Trong phần trả lời lúc ban đầu Diệu Giác dựa vào Sơ Trú làm Bốn, ấy là lúc

ban đầu đạt được; nếu như phần vị Sơ trú được thêm vào làm thành Diệu Giác Phật, thì cũng dựa vào Sơ Trú để làm Thật Bổn. Theo Tịnh Danh Sơ nên làm thành bốn câu, đó là Bổn thấp Tích cao, Bổn-Tích đều thấp. Sơ Trú chỉ thích hợp với hai câu này. Luận về Tích ấy thì dựa theo có Bổn mà nói, Bổn là Pháp thân-Tích là tám tướng. Trước Sơ Trú không có Bổn của Pháp thân, cho nên không thể nào luận đến Bổn cao Tích thấp, vẫn có cao hơn lại không thể nào luận đến Bổn-Tích đều cao. Nếu như Bổn-Tích đều cao và Bổn cao Tích, thì Diệu Giác chỉ thích hợp với hai câu này. Địa vị Diệu Giác cao nhất lại không có gì cao hơn, cho nên không có Bổn thấp Tích cao và Bổn-Tích đều thấp. Trú thứ hai trở lên Đẳng Giác trở về sau đều có đủ bốn câu. Trú thứ hai Tích hiện tại là Sơ Trú, Sơ Trú là Tích thì Bổn cao Tích thấp. Trú thứ hai hiện tại là Trú thứ ba, Trú thứ ba là Tích thì Bổn thấp Tích cao. Trú thứ hai hiện tại là Trú thứ hai, bởi vì hướng về Sơ Trú thì Bổn-Tích đều cao, hướng về Trú thứ ba thì Bổn-Tích đều thấp. Nay văn chính là Bổn thấp Tích cao. Nếu nói trước Sơ Trú theo chiều dọc không có nơi nào dựa vào, lấy Thể làm Bổn-lấy Dụng làm Tích, thì câu này là Bổn-Tích đều thấp. Nếu như theo ý này thì hết thảy chư Phật đều hiển bày về Bổn, nhưng phát nguyện cho nên ở trong Sơ Trú thuyết về thọ mạng lâu dài, thọ mạng thật sự của Sơ Trú lại cũng Vô lượng. Nói phát nguyện thuyết thọ là chỉ đạt được Pháp thân thì nhất định được trường thọ có duyên căn cơ chín mùi tuyên thuyết thoả mãn nguyện xưa... thuận theo còn giải thích về Phật lúc đầu ấy, tức là trong thân Diệu Giác tự lấy Thể-Dụng để làm Bổn-Tích, đây là câu Bổn-Tích đều cao, chỉ thiếu một câu Bổn cao Tích thấp. Trong phần hỏi rằng chương Ngũ Phật nói thế nào, như trong phẩm Phương Tiện mở rộng về khai mở hiển bày dựa theo chương Ngũ Phật, đều nói là cũng dùng Vô lượng cho đến đều là một Phật Thừa, nếu như vậy thì tất cả chư Phật thảy đều khai mở và hiển bày? Ý trả lời là Phật cũng không thuận theo tất cả để khai mở Quyền, kinh nói tất cả là dựa theo đưa ra uế độ để giải thích về khai mở hiển bày mà thôi. Lại hỏi: Nếu như vậy thì vẫn dùng Diệu để phá Diệu cho đến ví dụ cũng thuận theo Diệu ấy, vẫn trước đã dùng Bổn Diệu phá bỏ Tích Diệu thì Tích Diệu trở thành thô. Từ “Diệc ứng...” trở đi, cùng chất vấn về Tích Diệu bị phá bỏ đã trở thành thô, mười thô bị phá bỏ cũng thuận theo trở thành Diệu. Từ “Sở phá...” trở đi lại cùng dùng bốn trụ tiếp tục ví dụ chất vấn rằng: Thô là đối tượng phá bỏ đã có thể trở thành Diệu, thì bốn trụ phiền não cũng là đối tượng phá bỏ cũng thuận theo trở thành Diệu căn? Tiếp trong văn trả lời lại dẫn ra chất vấn về bốn trụ để so sánh với

chất vấn ban đầu, nếu như dựa theo nghĩa Đốn thì bốn trụ tức là Diệu thuận theo như câu hỏi đã hỏi, hướng là bốn trụ Trí mà so sánh đưa ra chất vấn ban đầu, bốn trụ thô Hoặc hãy còn trở thành Diệu, hướng là trí sanh diệt và vô sanh diệt mà chẳng phải là Diệu hay sao? Tiếp theo ý hỏi là Bốn thành tựu về sao, trung gian Thủy Tích Quyền-Thật-Thiên-Viên đều gọi là Quyền bởi vì là Tích cho nên đều là Quyền, Quyền tức là Thiên thì cũng có thể đều gọi là Thiên hay sao? Tiếp theo trả lời về nghĩa sai khác ấy không theo lệ quy định. Pháp đã xác định thuộc về Bốn-thuộc về Tích, nhất định là Thiên-nhất định là Viên, mà Giáo thì không như vậy, ở Bốn thì Quyền-Thật đều là Bốn, Bốn cho nên là Thật, ở Tích thì Quyền-Thật đều là Tích, Tích cho nên gọi là Quyền. Thiên-Viên cho đến Thể-Dụng cũng như vậy, pháp thì đã xác định không thể nào thuộc về Bốn, Thể-Dụng gọi là Thể, thuộc về Tích thì Thể-Dụng đều là Dụng. Nếu như Giáo đã thuyết thuộc về Bốn thì Thể-Dụng đều là thật, thuộc về Tích thì Thể-Dụng đều là Quyền. Nên biết rằng Thể-Dụng... cũng có thể là pháp, Sự Lý-Lý Giáo-Giáo, Hành theo đây có thể biết. Vì vậy văn sau nói Sự Lý trong Bốn trước đã thích hợp là Diệu, Sự Lý trong Tích mới thích hợp là Thô. Giáo Hành còn lại đều theo lệ quy định có thể thấy. Bốn câu ấy là Biệt có Địa Tiền thô mà chứng đạo là Diệu, Viên giống như văn. Kèm theo Diệu thô ấy là gồm đủ tất cả ở trong đó. Vả lại giải thích về kèm cặp Thô Diệu ấy là từ trong Thông mà phát sinh. Cũng kèm cặp-cũng không kèm cặp ấy là kèm cặp Địa Tiền mà không kèm cặp Thông-Tạng. Chẳng phải kèm cặp- chẳng phải không kèm cặp ấy là chẳng phải kèm cặp Tạng-Thông chẳng phải không kèm cặp Biệt, hai Giáo tiếp nhận Thông cũng như vậy, chẳng phải kèm cặp Tam tạng chẳng phải không kèm cặp Thông. Tiếp là câu thứ ba trong năm Vị, Phương Đẳng thì ba Vị trước là kèm cặp-một Vị sau là không kèm cặp, Bát-nhã theo đó biết rõ. Câu thứ tư ấy là chẳng phải kèm cặp Tạng Thông-chẳng phải không kèm cặp Biệt. Hỏi rằng hai thô đã không giống nhau ấy là hỏi về Tạng Thông. Trong trả lời nói rằng sự có nông sâu... ấy là Thông tiếp xúc mà Tạng không tiếp xúc. Hỏi rằng kèm cặp phương tiện Thật... ấy là hỏi về Biệt-Viên giáo, cùng hiển bày Trung đạo mà Biệt kèm cặp chứ Viên không kèm cặp. Tiếp theo hỏi về kèm cặp hai-một... ấy là cũng hỏi về Biệt-Viên, Địa Tiền lấy làm kèm cặp hai. Tiếp từ “Thông luận...” trở xuống tuy không trả lời câu hỏi mà phân biệt rộng ra, mỗi một câu đều là trả lời mà lược bớt câu hỏi vậy thôi. Hỏi về Bốn Địa... ấy, là sáu lớp Bốn-Tích ở đầu quyển, mười Diệu này thuộc về lớp nào trong sáu lớp? Trong trả lời nói rằng

chính là... ấy, đầu quyển đã phân tích, ở đây chính là hỏi lại, vì sao? Bởi vì ban đầu nói Bốn Địa năm lớp là Bốn trung gian hôm nay là Tích, đã là Bốn Địa thì năm cặp thuộc về Bốn, không biết năm cặp làm sao đối chiếu với Bốn, do đó lại hỏi về điều ấy. Nay vẫn trả lời lại bao hàm, chỉ nói là cùng luận về mười Diệu, nếu như vậy thì Sự Lý-Lý Giáo-Giáo Hành chỉ là nhân, Quyền-Thật-Thể-Dụng chỉ là dụng của quả, cho nên quả ắt phải có Thể của quả, Dụng tức là Cảm Ứng-Thần Thông và Thuyết Pháp, thuyết pháp đã phủ khắp tức là thành tựu Quyển Thuộc và lợi ích, thọ mạng Niết-bàn vẫn là pháp trong quả mà thôi, do đó không tường thuật riêng biệt mà chỉ nói là bàn luận chung. Thứ bảy là trong phần phân định thô diệu, có hai: 1. Dùng Bốn đối chiếu với Tích hướng về với nhau để phân định; 2. Từ “Hựu Tích trung...” trở xuống là dựa theo sáu Môn trước để phân định. Văn phần một nếu không trước tiên đem Tích Môn khai bày rõ ràng, tạm thời phân định thô diệu cùng với Bốn đã chứng lại không có gì sai biệt, làm thế nào có thể biết Diệu của trong Tích không bằng thô của Bốn? Bởi vì không dựa theo khai mở và hiển bày Đãi-Tuyệt cùng phân định, chỉ dựa theo lâu xa thật sự thành tựu để bàn luận, cho nên trung gian và ngày nay hoặc là Thô hoặc là Diệu đều không phải đạt được trước kia, vì vậy trước kia đạt được thô cũng gọi là Diệu, trung gian và ngày nay là Diệu cũng trở thành Thô. Tiếp theo lại dựa vào sáu lớp để phân định, trước đây chỉ khai mở hiển bày xa-gần cũng lần lượt thu tóm phân định đã xong, cần phải tiếp tục từ trong khai mở hiển bày xa-gần để phân định tường tận sáu Môn về Tích của Bốn Diệu, trong đó có ba: 1. Giải thích; 2. So sánh; 3. Từ “Nhược pháp...” trở xuống cũng trình bày về tướng của sáu Môn Bốn-Tích hiển bày lẫn nhau dung thông lẫn nhau và bất tư nghị như nhau. Trong đó có hai: 1. Dựa theo một cặp Sự Lý sơ lược giải thích; 2. Năm cặp theo thể lệ biết rõ. Lại nói là quá khứ và hiện tại (Dĩ kim) ấy, tức là ngày xưa đã đạt được thì quá khứ và hiện tại là Bốn, ngày nay và trung gian đã hướng về quá khứ hiện tại là Tích, từng đoạn từng đoạn trung gian đều có Giáo của năm Vị cho nên bốn Vị và Tích Môn lấy làm quá khứ, khai mở thọ mạng lâu xa làm hiện tại, do đó khiến cho quá khứ và hiện tại cũng luận về Thô Diệu xưa và nay. Tiếp trong phần trình bày về Quyền-Thật, có ba: 1. Bốn-Tích trái ngược nhau là Quyền-Thật để phân định Quyền-Thật trong Tích là Quyền, Quyền-Thật của Bốn Địa đều là Diệu, bởi vì thành tựu từ lâu; 2. Từ “Phục thứ...” trở xuống lại dựa theo Bốn-Tích hướng về nhau luận đến Tự Hành đều có ba, thì Bốn là Tự-Tích là Tha, Bốn-Tích trái ngược nhau là một Tự-Tha;

3. Từ “Phục thứ...” trở xuống lại dựa theo Bốn-Tích đều có ba nghĩa để trình bày về lý như nhau. Dựa theo Sự thì biết trong Bốn thi thiết Tho cũng là Diệu, trong Tích khai mở hay phế bỏ hãy còn là Tho, lý không có gì thô diệu. Ý trong văn phần đầu đầy đủ như ý văn phần định về thô diệu, trong đó lại có hai: 1. Chính thức trình bày; 2. Từ “Tích Quyền Bốn Thật” trở xuống là trình bày về dung thông. Hai lý không thể nghĩ bàn, cho nên nói pháp tánh chẳng phải là xưa và nay... tiếp là các văn về Tự thì Hóa Tha trong Bốn cũng gọi là Diệu, cũng cần phải kết hợp với có bất tư nghị dung thông, văn không có ấy là lược bớt, thuận theo nói là lý của pháp tánh chẳng phải Tự-chẳng phải Tha, Tự-Tha tuy khác nhau mà bất tư nghị chỉ là một. Trong phần ba cũng có hai: 1. Giải thích; 2. Dung thông kết luận quy về. Trong giải thích lại có hai. Trong phần đầu nói vả lại trong Tích dựa theo Thật thi thiết quyền... ấy, nhưng dựa theo Thật thi thiết quyền là ý ở tại quy về Thật, mà nhiều người lấy Quyền đã thi thiết cho là cứu cánh, vì vậy đều không nhận biết. Nếu như phế bỏ Quyền hiển bày Thật thì ý thuộc về Quyền đã thi thiết, ban đầu muốn phế bỏ cho nên chỉ trích Quyền này chẳng phải là cứu cánh, Quyền là Sự pháp mà người ta dễ dàng nhận biết, cho nên giáo pháp cả một thế hệ từ Pháp Hoa trở về trước, ý Phật luôn luôn là Thật hàng Nhị thừa bất thoái trước sau đều không biết, cho đến lúc phế bỏ Quyền mới nói là các người xưa nay ở gần nơi cao quý, mà người ta đều biết nơi cao quý chẳng phải nơi này. Đây chính là ở lúc đầu của cồn cát quý báu, cát bước đã trải qua lộ trình tu tập, hướng là đã từng đi qua ba trăm hội, chỉ ra quả của chính mình, tức là nhân Diệu của người, cho nên nói là dễ biết. Nói là Hoa Nghiêm trình bày về A Bệ Bạt Trí phần nhiều trình bày về sự số ấy, là dẫn ví dụ giải thích ý quyền trước đây dễ biết, tất cả sự pháp, không có gì không phải là quyền thi thiết. Như Lai từ lâu xa vì các chúng sanh thi thiết phương tiện cho nên có hàng sa Phật pháp, thi thiết rồi đều phế bỏ, quyền đã thi thiết thuộc về sự tướng, do đó sự tướng phần nhiều vì hàng Bất thoái mà thuyết giảng, tức là có thể đối với sự đạt được lý Bất thoái. Vả lại phần vị Bất thoái cao thấp không giống nhau, nếu như là Địa Tiên thực hành ở phần Vị Bất thoái, chỉ nghe Sự số biết Sự tức là Lý, cho nên khai mở Quyền hiển bày Thật có thể đi vào phần vị Niệm Bất thoái ở Sơ Địa. Có thể thông hiểu Quyền này chính là Thật Tướng, thì lẽ nào có thể lia nơi này để mong cầu Thật Tướng nào khác ư? Vì đối với Bạt Trí cho nên nói Sơ Địa dung thông như trước.

Hỏi: Phần Quyền Thật thứ tám trong này và phần phân định thứ

bảy trước đây khác nhau thế nào?

Đáp: Trước đây dùng Bốn Tích phân định đối với thô Diệu và sáu Môn, nay dùng Quyền Thật và Tự Hành... để giải thích về Quyền Thật, thì Bốn là Thật-Tích là Quyền, Tự là Bốn-Tha là Tích. Vả lại đã khai mở hiển bày và chuyển sang giải thích về Quyền Thật, nếu khai mở Tích hiển bày Bốn thì Quyền Thật mới gọi là Quyền Thật trong Bốn, vì vậy trở lại trình bày một lý không sai khác, ý chính ở đây.

Hỏi: Mười Diệu của Tích Môn, trong mỗi một Diệu, ở mỗi một khoa, đều trước là phân định-tiếp là khai mở, nay trong Bốn Môn vì sao chỉ có phần thô Diệu và Quyền Thật, đều tựa như ý phân định, mà không có thiết lập khai mở riêng biệt?

Đáp: Phần này và Tích Môn, ý đó hơi khác nhau, Tích Môn phân định rồi thì nghĩa cần phải khai mở, tại vì sao? Bởi vì như trong phân định nói rằng: Hoặc là Giáo hoặc là Vị đều là trước thô sau Diệu. Nếu như không khai mở thì người ta nói là ngoài ba-bốn còn có Viên và Đề hồ, vì vậy khai mở ba tức là Viên-bốn tức là Đề hồ. Nay trong mười Diệu của Bốn Môn thì không phải như vậy, trước đây giải thích rộng trong mười Diệu, mỗi một Diệu đều dùng ba nghĩa để giải thích về Tích, gần thành tựu không giống nhau thì nghĩa hướng về thô, lướt qua Tích chỉ ra Bốn thì nghĩa giống với Diệu. Căn cứ vào đây đã là dựa theo Sự để phân định khai mở, mỗi một loại lại nói là Bất tư nghị như nhau, đây là lại dựa theo Lý để khai mở, sợ rằng người ta không hiểu, lại ở nơi này thiết lập hai môn khác nhau để phân định thô Diệu trước đây, phân định này chính là khai mở, hướng là hai vẫn lại dựa theo Lý mà khai mở hay sao?

Hỏi: Vì sao Tích Môn không có Lý khai mở?

Đáp: Ban đầu dựa vào Cảnh khai mở đã là dựa theo Lý, vả lại Tích Môn có giáo thuyết lý, nếu như khai mở đối với Giáo thì tức là biểu hiện cho Lý khai mở. Nay trong Bốn Môn này dựa theo Thân dựa theo Sự, tuy khai mở Thân và Sự mà còn cần phải khai mở Lý, Bốn-Tích chứng khác nhau, vì vậy đều nói Bất tư nghị như nhau. Nên biết rằng bắt đầu từ giải thích tổng quát cuối cùng đến nơi này, nếu như lướt qua Tích chỉ ra Bốn, thì dựa theo Sự luận về khai mở; nếu dùng Bất tư nghị dung thông thì khai mở Sự đi vào Lý. Nếu như không hiểu ý nghĩa của mười Môn thì lấy một lý nào để đứng đầu các lý? Một lý tuy giống nhau mà Sự trong mười Môn sai khác, Bất tư nghị như nhau mà mười Diệu luôn luôn khác biệt, sai khác mà không sai khác, điều này đã nói rồi. Phần chín trình bày về Lợi Ích, trong đó có hai: 1. Chánh thuyết ích;

2. Lưu thông ích. Văn phần một lại có hai: Một. Cùng nêu ra; Hai. Cùng giải thích. Trong giải thích có hai: 1. Giải thích; 2. Từ “Nhược luận thật đạo...” trở xuống là so sánh. Phần một lại có hai: Một. Giải thích; Hai. Từ “Tức thị...” trở xuống là kết luận. Phần giải thích lại có hai: a. Sanh thân; b. Pháp thân. Sanh thân lại có hai: Trước là nghe về Tích Môn, tiếp là nghe về Bản Môn. Trong phần trước nghe về Tích Môn lại có bốn: 1. Trình bày lợi ích trong mười Diệu; 2. Trình bày lợi ích trong sáu Túc; 3. Từ “Như thân tử...” trở xuống là sơ lược nêu ra chủng loại; 4. Từ “Tức thị...” trở xuống là kết luận. Văn phần một ấy là chỉ đạt được lợi ích về Trí-Hành-Vị-Quyền thuộc về lợi ích Diệu. Nhưng cần phải liễu giải, Trí thuận theo giải thích hiểu biết cho nên cuối cùng đạt được điều ấy. Nếu như Trí phá trừ Hoặc thì cần phải xét kỹ đối với quả, Vị nổi thông sâu cạn ý cũng như vậy. Quyển Thuộc có thể đạt đến cuối cùng của một đời, tu chưa ra khỏi pháp giới thì nghĩa không phải là thân thông, còn lại chưa phá trừ vô minh và kiến tư... thì tùy theo Hoặc mà phân định giải thích về lợi ích, cùng là một lợi ích thật sự. Ba pháp thuộc về quả thì nghĩa có thể nổi thông với nhân, thì dựa vào Thanh văn đều đi vào Sơ trú, nay thuận theo quả vị cuối cùng cho nên không nổi thông với nhân. Tiếp trong phần dựa theo Bản Môn có ba: 1. Trình bày về lợi ích mười Diệu; 2. Lợi ích về sáu Túc; 3. Trình bày về tăng thêm đạo giảm bớt sanh. Tiếp trong lợi ích Pháp Thân có ba: 1. Trình bày về tướng lợi ích; 2. Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống trình bày về nguyên cố lợi ích; 3. Từ “Cố phân biệt...” trở xuống là dẫn chứng. Tiếp từ “Nhược luận...” trở xuống trong phần so sánh có bốn: 1. Sơ lược phân rõ về đồng-dị; 2. Từ “Dụ như...” trở xuống là mượn Tiểu làm ví dụ; 3. Từ “Tiền Tích Môn...” trở xuống là phân rõ nhiều ít cạn sâu; 4. Từ “Đương giản...” trở xuống là nêu ra văn phân định phần vị. Văn phần một nói nếu luận về Thật Đạo thì hai nơi không khác, Quyền Trí Sự Dụng không thể nào so sánh với nhau, Bản Môn là Pháp thân-Tích Môn là Sanh thân, hai nơi đạt được lợi ích, đã chứng lý Viên thì lý không có cạn sâu, cho nên nói là không khác, lẽ nào dùng phần vị Vô sanh nhẫn của Sơ Trú, làm cho bằng với phần vị Bồ-tát nhất sanh thuộc Pháp thân trong Bản Môn hay sao? Phần hai, ba và bốn như văn. Tiếp là trình bày về lợi ích lưu thông lại có hai: 1. Chính thức giải thích; 2. Giải thích nghi ngờ. Phần chính thức giải thích có ý phân rõ hai nơi được lợi ích ngầm kín và hiển lộ không giống nhau. Thứ nhất nói về lợi ích ngầm kín của Tích Môn, chỉ thấy thọ ký chứ không nói là đi vào phần vị, cho nên gọi là ngầm kín; như phẩm Phân Biệt Công Đức tức là hiển lộ vậy, và Địa

Dũng hoàng kinh cũng là lợi ích hiển lộ. Hoặc là các Bồ-tát Tích Môn đến đây lại được lợi ích và trong Bốn Môn mới được lợi ích, hoặc là có người chưa dự vào số các lợi ích này, đều có lợi ích ngầm kín, cho nên nói bao gồm được Tích Môn. Tiếp trong phần giải thích nghi ngờ, có hai: 1. Nghi ngờ; 2. Giải thích. Trong giải thích nói đợi thời cơ ấy, như Hoa Nghiêm không thể ngộ đợi đến Vị thứ ba cho đến Niết-bàn. Trong mỗi một Vị cũng có đợi thời cơ, như bên cạnh Phật chưa lợi ích, đợi cùng Văn Thù đi vào thất của Tịnh Danh, cho đến Niết-bàn chưa ngộ, đợi đến lúc Phật xuất thế mới ngộ. Đợi bạn ấy là giống như ở tại Lộc Uyển đợi năm Tỳ-kheo, độ năm người rồi giáo hoá lợi ích khắp nơi, như bốn Đại Bồ-tát trong Hoa Nghiêm cho đến Thân Tử-Di Lặc... trong Pháp Hoa, và Văn Thù đi vào biển dẫn theo vô số chúng đệ tử đi đến trú xứ của Phật..., Ca-diếp-Đức Vương-Sư Tử Hống... trong Niết-bàn. Lại như Phật giữ Trí Tích lại để đợi Văn Thù, phân thân không trả lời vì đợi Phật thế hệ sau. Cũng như phẩm Trì, năm trăm Thanh văn và các Bồ-tát-Tỳ-kheo ni..., đều là đợi bạn. Cũng đợi thời cơ ấy, như đợi lúc Văn Thù trả lời câu hỏi xong, đợi lúc Di Lặc dấy lên nghi ngờ, đợi lúc Văn Thù ra khỏi Long cung, đợi lúc Diệu Âm từ phương Đông đến..., đều là đợi thời cơ. Vì vậy biết là Pháp thân chư Phật khắp tất cả mọi nơi, mà lại mượn thời cơ của các Bồ-tát cùng nhau giáo hoá, lấy Bồ-tát làm bạn. Tiếp trong phần dẫn chứng hai văn sau hai môn Tích-Bốn, khiến cho mở rộng pháp này, tức là hai môn Bốn-Tích, phát thệ nguyện hoàng dương kinh Pháp Hoa này là vậy. Tiếp trong phần Quán Tâm, có ba: 1. Giải thích; 2. Dẫn chứng; 3. Từ “Tức thử...” trở xuống là kết luận về lợi ích. Văn phần một lại có hai: Một. Cảnh; Hai. Quán. Phần Cảnh lại có hai: a. Không thể Quán; b. Trình bày về có thể quán. Có thể quán lại có hai: Trước là thiết lập, tiếp từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích nói rằng vì sao Phật như-chúng sanh như-đến tướng của lợi ích ấy, như dưới đây trong Sớ nói: “Nguyện cho con mau chóng như đạt được như Phật như, thuyết về thọ mạng của như, cũng lại Vô lượng. Như vậy quán về như, như tức là lý, nghe tên gọi phát khởi quán, tức là quán hạnh, cho đến cứu cánh thành tựu Vô thượng Đạo, cho nên có đủ sáu Tức”. Quán lại có ba: a. Không thể quán; b. Từ “Ngã như...” trở xuống là có thể quán; c. Từ “Diệc nguyện...” trở xuống là hoàng thệ. Tiếp trong phần liệu giải đầu tiên hỏi ấy là hỏi đồng-dị như thế nào? Trả lời ba cặp sáu câu ấy, hai câu đầu dựa theo lý Viên, cho nên danh và nghĩa lại cùng nhau mà thiết lập, bởi vì không sai khác vậy thôi. Hai câu tiếp theo, nay đề mục xưng là Diệu thì phá bỏ cái Đại của Tiểu

thừa, đề mục của Đại Phẩm xưng là Đại thì phá bỏ cái Diệu của Tiểu thừa, cũng thích ứng đối với các Giáo. Hai câu cuối cùng cũng phân rõ đối với Tiểu, cũng thích ứng đối với các Giáo, suy nghĩ có thể thấy. Tiếp theo hỏi về Đại Diệu như nhau dựa theo hai câu thứ nhất trong sáu câu trước để hỏi. Tiếp theo hỏi đến xưa nay chỉ trích ấy, đầu là hỏi-tiếp từ “Nhất vãng...” trở xuống là trả lời. Xưa nay cũng thích hợp đều xưng là Thường, nếu như chỉ trích thì chỉ có vô thường chứ không đạt được đối với Thường. Tiểu thừa cũng có ba vô vi thường, nếu hướng về Đại thừa thì như Bảo Tánh Luận hàng Nhị thừa hãy còn là vô thường cùng trái ngược, tên gọi giống như là xưa nay, Lý khác nhau thì gạt bỏ; đều nói là không thích hợp với Diệu ấy, đã luôn luôn gọi là Diệu mà gạt bỏ thì Vô thường, cho nên đều nói đã Vô Thường cũng là Vô Diệu. Tiếp trong phần trả lời chỉ dựa theo xưa nay để trả lời, không dùng gạt bỏ để trả lời. Từ “Túng chi...” trở xuống là dù cho trước đây gạt bỏ, nhưng đã có ba Vô Vi Thường. Lại nói Thường khác nhau ấy là đối với chiều dọc lại làm cho mất đi, vì vậy nói là khác nhau. Tiếp theo lại là Đại-Tiểu cùng xưng là Thường thì Tiểu thừa thuận theo hợp lại thành một, đây là dựa theo Pháp Hoa để chất vấn. Trong trả lời cũng là trước giống nhau mà sau khác nhau. Tiếp theo cùng là Đại thừa Vô Thường mà thô không thể kết hợp chăng? Ví dụ sau là ý trả lời giống như trước, trước giống nhau-sau khác nhau. Từ “Vân hà...” trở xuống là giải thích, trong giải thích chỉ giải thích trên phương diện giống nhau mà ý khác nhau giống như xưa nay.

Tiếp đến giải thích về Liên Hoa, trước là đưa ra chương, tiếp là giải thích. Giải thích văn phần đầu có ba: 1. Trình bày dựa theo ví dụ; 2. Trình bày dựa theo pháp lý; 3. Kết hợp cả hai để giải thích. Trong ý phần một nói bảy ví dụ nhiều văn, ấy là sử dụng nhiều ngữ ý mới hiển bày Quyền-Thật rõ ràng, không giống như Liên Hoa dùng mười hai chữ hiển bày đầy đủ tất cả lý lẽ. Tiếp trong phần pháp lý có ba: Pháp-Thí dụ-Hợp. Trong thí dụ nói mạng nhện giăng tơ giống như đan lưới, Bác Vật Chí nói: “Phục Hy tạo ra bát quái, Thần Nông tạo ra ngũ cốc, Hoá Địch tạo ra đan dược (Hoàng đế-thần), Duy Phụ tạo ra chày cối (Hoàng đế-thần), Si Vương tạo ra binh lính (Hoả đế thời thần), Hoàng Đế tạo ra mũ mào vương miện, Dung Thành tạo ra lịch số (Hoàng đế-thần), Kì Bá tạo ra y thuật (Hoàng đế-thần), Chánh Thủ tạo ra số đếm (Hoàng đế-thần), Cao Đào tạo ra lao ngục (Thuấn thời thần), Kê Trọng tạo ra xe cộ, Bá Ích tạo ra giếng nước, Mông Điềm tạo ra bút viết, Thái Luân tạo ra giấy mực (không thấy người tạo ra lưới giăng. Theo ví dụ có thể biết,

người xưa đã tạo ra đều là theo lý của pháp mà thành lập)”. Tiếp trong phần kết hợp có hai: Một. Sơ lược trình bày về ý dung hợp; Hai. Trong phần chính thức kết hợp lại có hai: a. Hỏi; b. Đáp. Trong phần đáp có ba: 1. Chính thức trình bày về sử dụng pháp-ví dụ; 2-. Từ “Lợi căn...” trở xuống là trình bày nguyên cơ sử dụng pháp-ví dụ; 3. Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận. Tiếp trong phần trình bày về cách giải thích ngày xưa, có hai: 1. Nói về các Sư; 2. Nói về Quang Trạch. Văn phần một có hai: Một, Nói tách biệt ba Sư; Hai, Nói chung về các Sư. Ba Sư trước không có phá bỏ. Tiếp trong các Sư có hai: a. Nêu ra; b. Từ “Thử thập cập lục...” trở xuống là sơ lược phá bỏ. Đầu trong phần nêu ra ý nói sơ sài trong mười ví dụ về Hành Diệu này, Hành Diệu của tông phái hiện tại vốn có Vô Duyên Từ Bi và Giới Định Tuệ, trong Tuệ có đủ sanh diệt-vô sanh-Vô lượng-Vô tác, hướng là thứ tự-không thứ tự và tăng số... cho đến khai mở hiển bày một tâm năm hạnh thâm nhiếp tất cả các pháp. Ý thứ nhất nói Phật tánh thuận theo duyên khởi, ấy là không thâm nhiếp Vô tác mà chỉ là lý tánh thuận theo duyên phát khởi. Văn thứ hai cũng đã nói là thuận theo duyên, cùng thâm nhiếp phước đức trang nghiêm..., chỉ là từ xa có nghĩa sanh ra Phật quả. Ý thứ ba là chỉ biết tâm tánh không lìa sanh tử, đã không tu hành mà chỉ là Giới Thánh Hạnh đầu tiên mà thôi. Ý thứ tư là người thấy được đi vào bắt đầu từ Hoan Hỷ Địa tám tướng thành Phật, Vô tác Tuệ này vẫn chưa phải là nơi cuối cùng. Ý thứ năm là bé nhỏ có nghĩa đến nơi đỉnh mắ, cho nên cũng nằm trong Giới Thánh Hạnh. Ý thứ sáu là trình bày về Quyền-Thật không hai mà chỉ là Lý Thể, cũng là Lý Thể của Giới Thánh Hạnh trước đây mà thôi. Ý thứ bảy là nói đến nhân ắt phải bao hàm quả, quả đã chưa hiện rõ ra, hãy còn ở trong Vô lượng Hạnh của Địa Tiền. Ý thứ tám là độn căn Bồ-tát và người hàng Nhị thừa hãy còn thuộc về duyên nhân phước đức cùng thâm nhiếp. Ý thứ chín là dựa vào sanh xứ nối thông với nhau hãy còn bao gồm phương tiện, tu tập đi vào Hoa Đài chung quy chưa phải là Viên Cực, cho nên Vô tác Thánh Hạnh này chưa cuối cùng. Văn thiếu một nghĩa, ví dụ trước có thể biết. Thánh Hạnh hãy còn tự mình chưa hoàn bị hướng là Phạm-Thiên-Bệnh và Anh Nhi Hạnh, cho nên biết mười nghĩa này chỉ là thiếu phần Hạnh Diệu mà thôi. Sáu ví dụ này chỉ là ý sơ sài trong Thuyết Pháp Diệu của tông phái hiện đại. Ý thứ nhất là một ở trong ba thì Quyền hãy còn che kín Thật chỉ là pháp của Tiểu Bộ mà thôi. Ý thứ hai ấy chỉ là khai mở Quyền thuộc pháp của Đại Bộ mà thôi. Ý thứ ba ấy chỉ là hiển lộ và Bí mật mà thôi. Ý thứ tư ấy chỉ là một ý phế bỏ Quyền thiết lập Thật. Ý thứ năm

ấy chỉ là sở thuyết. Ý thứ sáu ấy chỉ là Quyền-Thật cùng sử dụng. Nhưng mà hiển lộ Bất định, chỉ thâm nhiếp bốn Thời, ở trong bốn Thời không đầy đủ tám Giáo, cho nên nói là ý sơ sai. Tiếp trong phần phá bỏ Quang Trạch lại có hai: 1. Dẫn ra; 2. Phá bỏ. Trong phá bỏ có hai: Một. Chính thức phá bỏ; Hai. Từ “Thả trợ...” trở xuống là mượn lời kia trợ giúp hiển bày chánh, tức là dựa theo nhân quả mà luận về Thật Tướng. Ba là dẫn ra kinh luận, theo kinh Bốn Luận và kinh Đại Tập. Đầu là trong phần dẫn luận, có ba: 1. Nêu ra mười bảy tên gọi; 2. Từ “Dư danh...” trở xuống là dẫn luận giải thích; 3. Từ “Kim giải...” trở xuống là nay giải thích ý luận. Phần một nêu ra tên gọi như văn. Trong phần hai dẫn luận giải thích nói tên gọi còn lại không giải thích, nay nếu như muốn biết sơ lược về ý của mười bảy tên gọi trong Pháp Hoa Luận thì thứ mười sáu đã gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, nên biết là các tên gọi đều là tên gọi khác của Pháp Hoa mà thôi. Nhưng các tên gọi ấy chỉ có pháp chứ không có dụ, chỉ riêng Diệu Pháp này cùng đưa ra pháp-dụ, cho nên biết cũng có thể dùng Liên Hoa dụ cho mười sáu tên gọi. Như Diệu Pháp ấy thì Bốn-Tích đều có ba, không có vật nào để dụ cho nên dụ là Liên Hoa, mười sáu tên gọi còn lại cùng bao hàm Bốn-Tích, đều có ba nghĩa. Các kinh trong Tích không bàn đến ý Phật, cho nên gọi là Hữu lượng. Kinh này Bốn-Tích có ba nghĩa thi thiết-khai mở và phế bỏ, ý chỉ của Phật vô tận cho nên nói là Vô lượng, hướng là sau khi thành đạo, khắp nơi đều khai mở và phế bỏ gọi là Vô lượng Nghĩa. Nói là Tối Thắng ấy, Thắng chỉ là Diệu, cũng là từ ca ngợi đối với Bốn-Tích. Nói là Phương Đẳng ấy, cũng gọi là Quảng Bình, Bốn-Tích thâm nhiếp tất cả cho nên gọi là Quảng, một Thật không hai cho nên gọi là Bình. Nói là Giáo Bồ-Tát Pháp ấy là Tích Môn che phủ pháp hội toàn bộ trở thành Bồ-tát, Bốn Môn tăng tiến hoàn toàn là Bồ-tát. Vì vậy văn sau nói: Nếu nghe kinh này thì cố gắng thực hành Bồ-tát đạo. Nói là Phật Sở Hộ Niệm ấy, là vì Thật thi thiết Quyền mà bảo vệ đối với Thật, khai mở Quyền hiển bày Thật mà bảo vệ đối với quyền, phế bỏ Quyền hiển bày Thật mà bảo vệ đối với Lý, vì bảo vệ cho nên nghĩ đến, nghĩ đến duy trì sự bảo hộ. Bốn-Tích suy nghĩ giảng thuyết, từ lúc mới thành đạo đến nay nghĩ về sử dụng hướng về Thật, chúng sanh không có cơ duyên, tìm kiếm suy nghĩ phương tiện nhớ đến sử dụng hướng về Quyền. Phương tiện đã đầy đủ, nghĩ đến hiển bày đối với Thật, một Thật đã hiển bày thì Quyền phế bỏ mà Thật giữ lại. Phật từ lâu đã thành đạo mà chúng sanh vẫn mãi lưu chuyển, cho nên nghĩ đến thùy Tích bạt trừ hạng mê muội này. Chúng sanh tuy tiếp nhận đạo mà không nhận ra ở gần Tích,

nghĩ đến chỉ ra Bốn cách xa mà phế bỏ Tích gần kề kho tạng Bí mật của Phật, chỉ có Phật với Phật mới có năng lực suy xét cùng tận, không phải Thời thì không trao truyền là Bí-đầy đủ tất cả các pháp là Tạng... kho tạng của tất cả chư Phật ấy là hết thảy chư Phật, tất cả đều đi vào ba Đức bí tạng, bởi vì bình đẳng mà có, cho nên nói là tất cả. Tên gọi Bí mật của tất cả chư Phật, ấy là Quyền-Thật tương tức, Bốn-Tích cũng như vậy. Người không biết gì về điều ấy, cho nên gọi là Mật. Lấy Mật làm tên gọi cho nên nói là Mật Tự. Nói là sanh ra tất cả chư Phật, ấy là khai mở Quyền hiển bày Thật thì biết nơi bắt đầu sanh ra của Tích Phật, khai mở Tích hiển bày Bốn thì biết nơi bắt đầu sanh ra của Bốn Phật. Nói là Phật đạo tràng ấy, Thật Tương tức là nơi đắc đạo của Tích Phật và Bốn Phật. Nói là Phật đã chuyển pháp luân, ấy là chư Phật ba đời cùng chuyển pháp luân, không ra ngoài Quyền-Thật của Bốn Môn và Tích Môn. Nói là xá lợi kiên cố của Phật, ấy là kinh này chính là Pháp thân- là xá lợi kiên cố của toàn thân, không giống như xá lợi trong thân vỡ nát của sanh thân, Thật vốn là bất động, cho nên gọi là kiên cố. Nói là Đại xảo phương tiện ấy, phương tiện đã là tên gọi khác của Liên Hoa, người xưa vì sao phân định phẩm Phương Tiện, thuận theo xưa đề tên gọi các kinh Tịnh Danh- Báo Ân... đều có phẩm Phương Tiện, há vì tên gọi giống nhau mà nghĩa ấy có thể lẫn lộn? Ý trong các kinh như Tịnh Danh- Báo Ân, Bí mật dùng Đồng Thể bao gồm cả ba Giáo, gọi là phương tiện. Nay kinh Pháp Hoa này chỉ có phương tiện trong Thể của một Phật Thừa, cho nên gọi là phương tiện. Đệ nhất nghĩa trú ấy, sở trú chính là Thật Tướng của các Pháp. Thâu nhiếp Vô lượng tên gọi ấy, thì các kinh khác Quyền-Thật hãy còn chứa thâu nhiếp lẫn nhau, hướng là đối với Bốn-Tích. Nay hai môn này thâu nhiếp không có gì không cùng tận, như trên đã giải thích sơ lược phân rõ về phương hướng góc cạnh. Nếu như luận tương tận về điều ấy, thì dùng hai nghĩa của luận, từng nghĩa một đối chiếu phân rõ, thuận theo dùng sáu nghĩa đối chiếu từng nghĩa một, vẫn dẫn kinh văn chứng minh thành tựu từng nghĩa một, đều dùng Diệu Pháp lần lượt suy đoán đi vào trong mười sáu tên gọi còn lại mới xứng với ý văn. Trong phần ba là giải thích ý luận, có hai: Một. Chính thức giải thích; Hai. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích lại. Được đi vào do hạnh, đi vào an trú danh vị, lý do giống như quyển thứ ba trong phần Cảnh Diệu đã sơ lược giải thích xong.

